|  |  |
| --- | --- |
|  UBND TỈNH HÀ TĨNH**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ** **PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**Số 1358 /SNN-KHTC V/v báo cáo trả lời chất vấn củaĐại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh khóa XVII | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 7 năm 2018* |

Kính gửi:

 - Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

 - Các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Được sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo trả lời các câu hỏi chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh khóa XVII như sau:

**Câu 1.** **Hiệu quả kinh tế xã hội của Dự án chăn nuôi bò của Công ty cổ phần chăn nuôi Bình Hà.**

***Trả lời:***

**1. Về chủ trương, quy mô đầu tư**

- Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương, giới thiệu địa điểm đầu tư lần đầu tại Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 15/4/2015, với diện tích đất khảo sát khoảng 6.119,28ha, quy mô đàn bò dự kiến 150.000 con bò/năm, vốn đầu tư trên 4.233 tỷ đồng.

Được điểu chỉnh tại Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 12/01/2016, với tổng diện tích đất thực hiện dự án: 2.163,5 ha *(gồm: Kỳ Anh 584,9 ha và Cẩm Xuyên 1.587,6 ha)*, tổng đàn bò 254.200 con/năm, tổng vốn đầu tư 4.582 tỷ đồng.

Mục tiêu đầu tư: Phát triển chăn nuôi bò giống, bò thị theo quy trình công nghệ cao, với sản phẩm bò thịt chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước; tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhà đầu tư, người lao động và người dân trên địa bàn.

**2. Tình hình thực hiện Dự án**

*2.1.* Đến nay, theo báo cáo của Công ty tổng vốn đã đầu tư Dự án là 2.136 tỷ đồng, trong đó: *bồi thường, GPMB là 140 tỷ; xây dựng hạ tầng 728 tỷ đồng; mua máy móc, thiết bị: 135 tỷ đồng và vốn lưu động: 1.133 tỷ đồng.*

***2.2. Về tình hình bồi thường, quản lý, sử dụng đất***

Tổng diện tích đất Công ty đã thực hiện bồi thường tài sản trên đất là 1.131,15ha/2.163,5 ha diện tích được chấp thuận chủ trương đầu tư *(đạt 52,2%),* trong đó: Cẩm Xuyên: 691ha/1.587,6 ha (Công ty Cao su Hà Tĩnh 383ha; các hộ dân 308ha*);* Kỳ Anh: 440ha/584,9 ha (Công ty Cao su Hà Tĩnh 338ha; các hộ dân 102ha).

- Đến nay, tổng số diện tích Công ty đã sử dụng thực hiện dự án là 891,64ha (Cẩm Xuyên 452,43ha, Kỳ Anh 439,21ha)*,* trong đó: Xây dựng chuồng trại 43,67ha; trồng cỏ 767,52 ha *(hiện chuyển sang trồng chuối 212,04 ha)*; xây dựng trụ sở làm việc 4,45 ha; công trình công cộng, công trình phụ trợ 76 ha.

- Còn 239,5ha, Công ty đã chuyển tiền bồi thường nhưng chưa sử dụng, gồm: 32ha Công ty đã khai hoang nhưng chưa sử dụng (Cẩm Xuyên 23ha, Kỳ Anh 9ha); 29ha đất manh mún, sông suối; 135 ha rừng trồng (Cẩm Xuyên 74ha, Kỳ Anh 61ha) người dân đã nhận tiền đền bù tài sản trên đất nhưng chưa thống nhất nhận tiền đền bù đất và 44ha cây cao su (tại Cẩm Xuyên) các hộ dân nhận khoán chưa thống nhất phương án hỗ trợ, đền bù của Công ty cao su, nên chưa bàn giao.

***2.3. Về đầu tư hạ tầng, chuồng trại***

Công ty đã thực hiện xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch mặt bằng sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt *(tại Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 16/11/2016, số 722/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)*, tiến độ đến nay đã hoàn thành đầu tư khoảng 78% hạng mục công trình, cụ thể:

*-* 02 trại chăn nuôi với 65/100 chuồng nuôi *(trại Cẩm Quan 46/54 chuồng, trại Kỳ Tây 19/46 chuồng), (tương đương với quy mô đàn bò nuôi 30.000 con/lứa và khoảng 120.000 con/năm)*, 2/4 nhà chứa thức ăn, 02/4 nhà chế biến thức ăn, 2/3 tổng kho, 3/7 cụm ủ thức ăn, 4/4 trạm cân, trạm dầu, 2/2 hệ thống xử lý nước thải, 09/9 nhà chứa và chế biến phân,…

- 02 khu nhà điều hành và nhà ở cho cán bộ nhân viên; hệ thống đường, điện và các công trình phụ trợ phục vụ dự án như: hệ thống tưới tự động,…

***2.4. Về phát triển sản xuất***

- Phát triển chăn nuôi bò:

+ Nhập bò thịt để nuôi vỗ béo: Từ khi hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 đi vào hoạt động (từ tháng 10/2015) đến nay, Công ty đã nhập trực tiếp từ Úc về tổng số 43.387 con bò thịt để nuôi béo *(năm 2015 nhập 6.042 con; năm 2016 nhập 23.899 con; năm 2017 nhập 13.446 con)*. Gồm các giống: Bradman, Droumaster, Red Angus,..; khối lượng bò nhập về bình quân từ 250-300 kg/con; tăng trọng bình quân trong quá trình nuôi đạt 1,2–1,5kg/con/ngày (đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn giống).

+ Nhập bò nái: Từ ngày 08/6 – 13/6/2018 nhập 658 con bò nái từ Gia Lai về nuôi sinh sản (dự kiến đến hết năm 2018 công ty sẽ nhập đủ 3.000 con bò nái).

+ Xuất bán bò thịt: Đến đầu năm 2018, Công ty đã xuất bán 43.000 con (trọng lượng trên 500 kg/con) thị trường xuất bán chủ yếu là Hà Nội, Đà Nẵng,...

Đến ngày 06/7/2018, tổng đàn bò của Dự án chỉ còn 1.140 con, trong đó có 806 con bò nái sinh sản, nuôi tại Trại Cẩm Quan, Cẩm Xuyên; còn ở trại Kỳ Tây, Kỳ Anh từ tháng 9/2017 đang bỏ trống chuồng.

- Về trồng cỏ tại vùng dự án: Từ năm 2015 đến tháng 11/2017, Công ty đã trồng được 767,52ha cỏ (giống cỏ Pakchong II), đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm nước; năng suất bình quân đạt 85 tấn/ha/năm (mỗi năm thu hoạch 04 lứa), đạt 40% so với năng suất lý lịch giống (200-250 tấn/ha/năm).

***2.5. Về xử lý môi trường***

- Trong thời gian đầu (năm 2015) do quá trình vừa xây dựng vừa sản xuất, Công ty đã thực hiện không đúng một số nội dung trong báo cáo ĐTM giai đoạn 1 phê duyệt (tại Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 31/12/2015); chất thải chăn nuôi đã làm ảnh hưởng đến một số khu vực xung quanh Dự án. UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng kiểm tra, xử phạt hành vi vi phạm của Công ty (tại Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 12/6/2016, số tiền phạt 140 triệu đồng).

- Sau đó, Công ty đã tập trung khắc phục các vi phạm: Xây dựng bổ sung các công trình xử lý môi trường; thu gom hết phân bò để xử lý; bổ sung 2 điểm quan trắc môi trường, xây dựng hệ thống mương thu gom nước thải khu vực chuồng trại về tập trung tại khu vực các hồ xử lý.

- Hiện nay, Công ty đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt báo cáo ĐTM cho tổng thể Dự án (trên tổng diện tích 2.163,5 ha) tại Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 (thay thế Quyết định 5079/QĐ-UBND).

**3. Đánh giá bước đầu về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:**

***3.1. Kết quả đạt được***

Sau khi dự án đi vào hoạt động từ tháng 10/2015 đến nay đã đạt được một số kết quả bước đầu về kinh tế, xã hội, như:

- Dự án đã cơ bản hoàn thành đầu tư giai đoạn 1: Xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống dây chuyền chăn nuôi bò (chuồng trại, kho chứa và chế biến thức ăn,…); đã nhập ngoại bò thịt về nuôi vỗ béo (với trên 43.000 con).

- Dự án đã góp phần tạo việc làm cho khoảng 248 người lao động/năm, với thu nhập bình quân 6 triệu đồng/người/tháng, trong đó: Thời điểm sử dụng lao động cao nhất 355 người (tháng 10/2016) và đến tháng 7/2018 khoảng 208 người.

- Công ty Bình Hà đã hợp đồng với Công ty Vitad cung ứng cây thức ăn chăn nuôi và Công ty Vitad đã tổ chức liên kết trồng cỏ, ngô sinh khối với các hộ dân tại một số địa phương *(Vụ Đông 2015 liên kết được 46ha, vụ Xuân 2016 liên kết 68ha, vụ Đông Xuân 2016, 2017 liên kết đạt 866,3ha, từ vụ Đông 2017 đến nay do lượng bò giảm nên liên kết sản xuất ngô chững lại, còn 55ha).* Qua đánh giá, việc liên kết sản xuất ngô sinh khối năng suất đạt 35-40 tấn/ha, mức giá thu mua tại ruộng từ 800 - 1.000 đồng/kg, cho thu nhập 100 - 120 triệu đồng/ha/3 vụ năm), lợi nhuận 8 - 10 triệu đồng/ha cao hơn từ 1,5 - 2 lần trồng lúa, màu.

- Thời gian qua, Công ty đã thực hiện các hoạt động hỗ trợ xã hội cho các địa phương, người dân trên địa bàn dự án: Hỗ trợ vắc xin và kinh phí tiêm phòng dịch hàng năm cho các xã vùng dự án; hỗ trợ 2,3 tỷ đồng sữa chữa và nâng cấp đường liên xã Kỳ Tây, Kỳ Hợp; xây dựng nhà văn hóa thôn, nhà tình thương,...

***3.2. Tồn tại, hạn chế***

- Qua 3 năm triển khai, đến nay Dự án chưa đạt mục tiêu đầu tư đề ra theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Chỉ mới đạt quy mô bình quân 15.000 con/năm, bằng 50% quy mô đầu tư giai đoạn 1 (30.000 con/năm) và bằng 6% so với quy mô Dự án (254.200 con/năm); công ty chưa thực hiện được việc nhập ngoài bò giống để nuôi sinh sản; chưa thực hiện được việc liên kết chăn nuôi bò với các hộ dân.

Hiện đàn bò còn lại rất ít (1.140 con) nên hệ thống chuồng trại đã xây dựng tại Kỳ Tây (Kỳ Anh) và một phần tại Cẩm Quan (Cẩm Xuyên) để trống, không sản xuất chăn nuôi.

- Về hiệu quả kinh tế đầu tư dự án, mặc dù dự án đã đầu tư nguồn vốn lớn (trên 2.136 tỷ đồng), tuy nhiên theo báo cáo của Công ty (tại Văn bản 157/BH ngày 19/9/2017) thì *"chưa mang lại hiệu quả kinh tế như mong muốn, bước đầu hoạt động sản xuất kinh doanh đang thu lỗ"*.

- Về trồng cỏ: Năng suất cỏ trồng tại vùng dự án đạt thấp (chỉ 40% so với lý lịch giống), chưa đạt hiệu quả. Việc Công ty phá bỏ toàn bộ diện tích cỏ đã trồng (767,52 ha), chuyển sang trồng chuối (212,04 ha) là chưa đúng với mục tiêu của dự án theo chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.

***3.3. Nguyên nhân***

*a) Về khách quan:*

- Giá bò thịt tại Việt Nam trong các năm 2016 và 2017 có sự biến động, giảm nhiều so với các năm trước (bình quân ở mức 70.000 đ/kg bò hơi).

- Các tiêu chuẩn, quy định về chăn nuôi, giết mổ và tiêu thụ bò của Chính phủ Úc là rất nghiêm ngặt, nên đã có sự tác động giảm hẹp thị trường tiêu thụ sản phẩm bò khi nhập về Việt Nam.

*b) Về chủ quan:*

- Theo báo cáo Công ty,quá trình đầu tư dự án của Công ty ồ ạt, gây ra thất thoát tài chính; mặt khác, việc nghiên cứu tiền khả thi dự án chưa kỹ nên chưa đánh giá hết những khó khăn (về thị trường, điều kiện thời tiết, đất đai vùng dự án, bối cảnh kinh tế, nguồn lực tài chính,...) khi triển khai dự án.

- Thời gian qua, phía Công ty CP Chăn nuôi Bình Hà tái cơ cấu lại Công ty, thay đổi bộ máy nhân sự nên ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án.

- Công nghệ tưới đầu tư chưa đầy đủ, đồng bộ; lượng nước cung cấp cho cây cỏ chưa đáp ứng đủ nhu cầu sinh trưởng phát triển.

**4. Về chỉ đạo, đánh giá thực hiện Dự án và xử lý các khó khăn liên quan**

*a)* Trước những khó khăn, hạn chế của Dự án, ngày 12/9/2017 UBND tỉnh đã tổ chức kiểm tra, nghe báo cáo kết quả, các vướng mắt khó khăn của công ty trong thực hiện dự án, đã ban hành các văn bản để chỉ đạo Công ty kịp thời khắc phục:

- Văn bản số 5806/UBND-NL ngày 13/9/2017 chỉ đạo, yêu cầu Công ty Cổ phần chăn nuôi Bình Hà có báo cáo đánh giá tổng thể các nội dung về dự án và xây dựngphương hướng hoạt động trong thời gian tớigửi các sở, ngành để rà soát, tham mưu phương án xử lý.

- Văn bản số 3017/UBND-NL ngày 28/5/2018 giao tham mưu xử lý kiến nghị của Công ty CP chăn nuôi Bình Hà *(về đánh giá tổng thể thực hiện Dự án và xin điều chỉnh, bổ sung diện tích đất thực hiện dự án)*. Về nội dung này, ngày 06/7/2018 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 1769/SKHĐT-DNĐT để báo cáo UBND tỉnh, trong đó nêu: *“Nội dung báo cáo của Công ty CP chăn nuôi Bình Hà (sau khi đã hoàn chỉnh lần 3) vẫn chưa đạt yêu cầu”*. Do vậy, hiện nay Sở Kế hoạch và ĐT đang tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn Công ty hoàn thiện lại báo cáo đánh giá; rà soát lại chính xác số liệu về sử dụng đất; báo cáo đánh giá đầy đủ và toàn diện về tình hình thực hiện Dự án trong thời gian qua, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, gửi các sở ngành để tham mưu UBND tỉnh.

- Văn bản số 1186/UBND-NL ngày 13/3/2018 giao Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước trong việc sản xuất chuối của Công ty và yêu cầu Công ty CP chăn nuôi Bình Hà thực hiện nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.

*b) Về kiểm tra, quản lý, theo thõi việc trồng chuối của Công ty:*

- Tháng 9/2017, Công ty đã phá bỏ toàn bộ diện tích cỏ (767,52 ha) để tiến hành trồng chuối. Khi phát hiện việc này, Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương đã kiểm tra thực tế, yêu cầu Công ty nếu trồng chuối phải có các thủ tục điều chỉnh mục đích sử dụng đất, điều chỉnh nội dung dự án và cung cấp các hồ sơ, văn bản liên quan đến nguồn gốc giống chuối; trước mắt dừng việc trồng chuối đến khi báo cáo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Nhưng Công ty đã nhập giống về và tiến hành trồng chuối 212,04ha (Cẩm Xuyên 170,33 ha, Kỳ Anh 41,71ha). Việc Công ty phá bỏ toàn bộ diện tích cỏ và huyển sang trồng chuối là không đúng với mục tiêu, nội dung dự án đầu tư được phê duyệt.

- Về nguồn gốc giống chuối Công ty CP Chăn nuôi Bình Hà sản xuất:

 Sau khi nhận được Văn bản số 158/BH ngày 20/9/2017 của Công ty CP chăn nuôi Bình Hà về phương án chuyển đổi cánh đồng cỏ sang trồng chuối, Sở Nông nghiệp và PTNT đã kiểm tra thực tế hiện trạng sản xuất và ban hành các văn bản yêu cầu Công ty cung cấp hồ sơ thủ tục giống chuối *(Văn bản 1889/SNN-TTBVTV ngày 21/9/2017, Văn bản 2048/SNN-TTBVTV ngày 10/10/2017)*. Theo báo cáo của Công ty CP Chăn nuôi Bình Hà, giống chuối Công ty đang sản xuất có tên khoa học là Cavendish và mua từ Công ty CP Gen - Viet Tất Thành (được sản xuất tại cơ sở nhân giống ở tỉnh Đồng Nai).

Ngày 31/10/2017, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 2230/SNN-TTBVTV gửi Cục Trồng trọt và Cục đã có trả lời tại Văn bản số 1374/TT-CCN ngày 14/11/2017, nêu rõ: *(1) “Cây chuối không thuộc 2 danh mục: (i) Danh mục loài ngoại lai xâm hại; (ii) Danh mục loại ngoại lai có nguy cơ xâm hại”. (2) “ Theo giải trình của đơn vị, cung cấp giống chuối (Công ty CP Gen - Viet Tất Thành) thì tên gọi “giống chuối Cavendish” thực chất là giống chuối già hay chuối tiêu Phú Thọ. Hiện nay, giống chuối tiêu vừa Phú Thọ có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam. Đối với chuối già là giống đã được sản xuất phổ biến lâu năm tại phí Nam (nhất là tại vùng ĐBSCL: chiếm trên 50% trong cơ cấu giống chuối tại nhiều tỉnh, tương ứng tổng diện tích hàng chục nghìn ha); tuy nhiên hiện nay giống chuối này chưa có tên trong Danh mục, đề nghị đơn vị đơn vị sản xuất kinh doanh giống sớm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định hiện hành để công nhận giống, trình Bộ đưa vào Danh muc trên”.*

Qua kiểm tra, theo dõi của Sở Nông nghiệp và PTNT, hiện nay diện tích chuối đã trồng sinh trưởng phát triển khá tốt (trà chuối trồng trong tháng 11/2017 đã bắt đầu trổ, trà trồng sau tháng 3/2018 đã cao 0,3 - 0,5). Tuy nhiên, nguồn nước tưới đang khó khăn, mới đủ tưới cầm chừng duy trì cây phát triển, có khoảng 20ha chuối tại Cẩm Mỹ và Cẩm Quan sinh trưởng kém và có nguy cơ chết do thiếu nước.

**5. Giải pháp trong thời gian tới**

- Yêu cầu Nhà đầu tư tổ chức sản xuất hiệu quả trên diện tích đất Công ty đã hoàn thành việc bồi thường, GPMB, đã sử dụng đầu tư thực hiện Dự án; tiếp tục phối hợp với Hội đồng đền bù, GPMB các huyện Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Công ty Cao su Hà Tĩnh, Ban Quản lý Khu BTTN Kẻ Gỗ rà soát lại chính xác số liệu diện tích đất đã bồi thường, GPMB đưa vào sử dụng, diện tích đã bồi thường nhưng chưa giải phóng mặt bằng, đang còn các tồn tại, vướng mắc để thống nhất có phương án xử lý dứt điểm.

- Chỉ đạo Công ty CP chăn nuôi Bình Hà tiếp tục tập trung hoàn thành việc rà soát tổng thể kết quả thực hiện dự án và xây dựng phương án, kế hoạch tái cơ cấu sản xuất kinh doanh thời gian tới đảm bảo khả thi, gửi các sở, ngành và địa phương. Trên cơ sở phương án tái cơ cấu sản xuất kinh doanh của Nhà đầu tư, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và ĐT chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành, địa phương liên quan tiếp tục thực hiện việc đánh giá tổng thể Dự án, tổng hợp báo cáo và tham mưu đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh chủ trương, quy mô đầu tư Dự án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế, năng lực của Nhà đầu tư để đảm bảo sản xuất có hiệu quả.

- Trước mắt, yêu cầu Nhà đầu tư tiếp tục thực hiện đầy đủ các nội dung theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh:

+ Sớm ổn định bộ máy quản lý để tái cơ cấu, tổ chức sản xuất, phát huy hiệu quả hệ thống chuồng trại, cơ sở hạ tầng đã đầu tư của Dự án.

+ Tiếp tục phối hợp với cơ quan chuyên môn theo dõi, đánh giá kết quả sản xuất chuối đã trồng (212,04 ha), không mở rộng diện tích sản xuất chuối đến khi có đầy đủ hồ sơ, thủ tục pháp lý theo quy định.

+ Công ty phải tập trung thực hiện nghiêm các quy định về quản lý sử dụng đất, quản lý và bảo vệ môi trường, chăm sóc, phòng chống dịch bệnh trên đàn bò hiện có; chủ động phối hợp chặt chẽ với các địa phương làm tốt công tác tuyên truyền, đảm bảo ổn định an ninh trật tự trên địa bàn vùng dự án.

- Đối với phần diện tích rừng và đất lâm nghiệp đang thuộc chủ trương đầu tư dự án mà Công ty CP chăn nuôi Bình Hà chưa thực hiện công tác bồi thường và tiếp nhận bàn giao *(Công ty Cao su Hà Tĩnh 718 ha, Ban Quản lý Khu BTTN Kẻ Gỗ 209 ha, UBND các xã (Kỳ Hợp 22 ha, Kỳ Lâm 27 ha, Cẩm Quan 187), hộ gia đình 55 ha),* thì yêu cầu chủ rừng tiếp tục quản lý, bảo vệ, sản xuất theo đúng quy định của pháp luật.

**Câu 2. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội về dự án trồng cây cao su trên địa bàn tỉnh.**

***Trả lời:***

**1. Về quy hoạch, định hướng phát triển cây cao su**

- Cây cao su được đưa vào trồng trên địa bàn tỉnh Hà Tỉnh từ năm 1998, quy hoạch lần đầu là 7.300 ha cho Công ty cao su Hà Tĩnh; sau 10 năm trồng thử nghiệm khẳng định được hiệu quả, phù hợp trên đất Hà Tĩnh, nên đến năm 2007 tỉnh đã phê duyệt Đề án phát triển cây cao su trên địa bàn toàn tỉnh đến năm 2020, với quy mô 12.000 ha cao su đứng.

- Đến năm 2010 (khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển cao su cả nước), tỉnh ta đã phê duyệt Quy hoạch phát triển cao su toàn tỉnh với quy mô 20.000 ha cao su đứng trên vùng quy hoạch 26.600 ha. Sau đó, năm 2013 điều chỉnh lên 23.200 ha cao su đứng *(đại điền 14.207 ha; tiểu điền: 9.000 ha)*, với diện tích đất vùng quy hoạch là 32.400 ha.

- Cuối năm 2013, do chịu thiệt hại lớn của bão số 10 (hơn 2.500 ha bị đổ gãy), nên Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam chủ trương không trồng mới cao su ở các vùng gió bão lớn, cách bờ biển dưới 50km *(như Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc)*. Mặt khác, do giá mũ cao su xuống thấp kéo dài trong nhiều năm, nên đến năm 2014 (khi thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp) định hướng cao su còn 15.400 ha cao su đứng. Năm 2017 vừa qua (khi xây dựng Nghị quyết 04-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về khai thác tiềm năng lợi thế rừng, đất rừng) đã định hướng đến năm 2025 ổn định diện tích 12.100 ha.

Như vậy, Quy hoạch, định hướng phát triển cao su ở thời điểm cao nhất là 23.200 ha, đến nay chỉ còn 12.100 ha cao su đứng, giảm 11.100 ha (giảm 50%)***.***

**2. Đánh giá kết quả phát triển cây cao su và hiệu quả kinh tế - xã hội**

***2.1. Hiệu quả kinh tế trồng cao su theo từng giai đoạn phát triển***

*a) Giai đoạn phát triển mạnh từ 2008-2013:*

- Tổng diện tích cao su năm 2013 lên đến 11.500 ha, gồm: Công ty cao su Hà Tĩnh 5.700 ha; Công ty cao su Hương Khê 4.800 ha; diện tích cao su tiểu điền 1.200ha (Công ty cao su Hà Tĩnh liên kết với các đơn vị, hộ dân là 800 ha, còn 400 ha các hộ tự trồng); có 2.700 ha đưa vào khai thác mủ; năng suất mủ bình quân đạt từ 1,0 – 1,1 tấn/ha/năm.

- Giá mủ giai đoạn này tăng cao và ổn định (từ 60-80 triệu đồng/tấn, cao su được ví như “vàng trắng”). Theo báo cáo của Công ty cao su Hà Tĩnh, doanh thu giai đoạn này đạt 111-181 tỷ đồng/năm; lợi nhuận trước thuế đạt 19-49 tỷ đồng/năm (cụ thể: năm 2010 đạt 31 tỷ đồng, 2011 đạt 49 tỷ đồng, 2012 đạt 19 tỷ đồng).

*b) Giai đoạn từ cuối năm 2013 đến nay:* Giai đoạn này chủ yếu tập trung khắc phục thiệt hại sau bão, các Công ty cao su gần như không trồng mới diện tích, mà chủ yếu trồng tái canh trên diện tích bị thiệt hại do bão; các đơn vị, hộ gia đình, cá nhân cũng không trồng mới cao su tiểu điền.

- Tổng diện tích cao su hiện có là 9.300 ha cao su đứng, gồm: Đại điền 8.100 ha (Cao su Hà Tĩnh 3.700 ha, Cao su Hương Khê 4.400 ha); tiểu điền 1.200 ha.

- Diện tích đã đưa vào khai thác mủ là 2.300 ha (cao su Hà Tĩnh 1.700 ha, cao su Hương Khê 600 ha). Năng suất mủ bình quân đạt 1,0 tấn/ha/năm.

 - Giá mủ cao su xuống thấp, kéo dài trong nhiều năm, chỉ còn từ 30-35 triệu đồng/tấn. Thời điểm hiện nay là 34,6 triệu đồng/tấn.

 - Về doanh thu, lợi nhuận, theo báo cáo của các Công ty:

+ Công ty Cao su Hà Tĩnh: Doanh thu giảm mạnh, chỉ đạt từ 42-58 tỷ đồng/năm; kinh doanh lỗ (2013 lỗ 8 tỷ đồng, 2015 lỗ 9 tỷ đồng, 2016 lỗ 460 triệu, 2017 lỗ 9 tỷ). Riêng năm 2018, tình hình có khả quan hơn, ước lợi nhuận khoảng 2,5 tỷ đồng.

+ Công ty Cao su Hương Khê: Từ năm 2016 về trước đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản; năm 2017 doanh thu đạt 2,4 tỷ đồng.

Về hiệu quả kinh tế của cây cao su so với cây lâm nghiệp, tính bình quân thu nhập cây cao su đạt 15-26 triệu đồng/ha/năm, cao gấp 2-2,5 lần so với trồng keo (8-10 triệu đồng/ha/năm).

***2.2. Đánh giá về sinh trưởng, phát triển của cây cao su***

- Qua 20 năm theo dõi sự phát triển của cây cao su đã trồng trên địa bàn tỉnh cho thấy, cây cao su sinh trưởng và phát triển tốt (xác định được tính phù hợp tại các vùng thuộc huyện Hương Khê, Hương Sơn và vùng Thượng Can Lộc; các vùng thuộc huyện Vũ Quang, Đức Thọ mức độ kém hơn do tầng đất mỏng, độ dốc lớn; các vùng rủi ro như Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà do ảnh hưởng của thiên tai, gió bão).

- Việc trồng cao su trong thời gian qua được các Công ty thực hiện nghiêm ngặt theo quy trình sản xuất trên đất dốc; quá trình chăm sóc vườn cây cao su đã áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp, chấp hành nghiêm quy trình, thời vụ chăm sóc, nên đã hạn chế tối đa việc gây ảnh hưởng tới môi trường.

***2.3. Hiệu quả xã hội***

- Các Công ty cao su khi đầu tư trồng cao su đã đầu tư cơ sở hạ tầng đi kèm (như hệ thống điện, đường, trạm xã), góp phần nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng nông thôn ở các xã.

- Việc phát triển cây cao su trên địa bàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho khoảng 2.000 lao động, với thu nhập bình quân 4-5 triệu đồng/tháng, trong đó chủ yếu là người dân miền núi, góp phần nâng cao đời sống người dân, giảm áp lực cho công tác quản lý, bảo vệ rừng.

***2.4. Hiệu quả môi trường:*** Cây cao su là cây đa mục đích (theo Quyết định số 2855/QĐ-BNN ngày 17/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT); khi trồng trên đất lâm nghiệp được xem là cây lâm nghiệp, tham gia vào độ che phủ rừng (hiện nay, đã có 9.300 ha tham gia độ che phủ rừng).

**3. Một số khó khăn, tồn tại**

- Trồng cây cao su vốn đầu tư ban đầu lớn (khoảng 140–160 triệu đồng/ha), thời gian kiến thiết dài (7-8 năm mới cho cạo mũ); nhưng rủi ro lớn, do biến động thị trường (giá mủ từ 80 triệu đồng/tấn giai đoạn 2008–2011, nhưng từ năm 2013 đến nay chỉ còn 30 - 40 triệu đồng/tấn), ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt làm đỗ gãy.

- Việc mở rộng, đầu tư trồng mới của các Công ty cao su trên địa bàn đang gặp nhiều khó khăn, do Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam đã tiết giảm suất đầu tư đối với các Công ty cao su (giảm từ 140-160 triệu xuống còn 70-80 triệu đồng/ha, giảm 50%).

**4. Giải pháp trong thời gian tới**

***a) Về phát triển cao su***

- Tập trung chăm sóc, bảo vệ, khai thác có hiệu quả 9.300 ha cao su hiện có; tùy điều kiện cụ thể để từng bước mở rộng thêm khoảng 2.760 ha để ổn định 12.100 ha cao su đứng vào năm 2025 (theo tinh thần Nghị quyết 04-NQ/TU). Việc mở rộng chỉ trên những vùng ít bị ảnh hưởng gió bão (tại các huyện: Hương Khê, Hương Sơn, Vũ Quang, Đức Thọ), không trồng mới tại các huyện dọc bờ biển (như Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Can Lộc, Thạch Hà).

- Thực hiện nghiêm ngặt quy trình trồng cao su trên đất dốc; kết hợp sản xuất nông lâm kết hợp, trồng xen dưới tán cao su bằng các loài cây có giá trị (gừng, nghệ, hương bài...) để tăng hiệu quả trên đơn vị diện tích. Hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc hóa học; áp dụng các biện pháp kỹ thuật, sử dụng các chế phẩm sinh học thân thiện với môi trường.

***b) Về quản lý sử dụng đất đã giao cho các Công ty:***

Tiếp tục chỉ đạo các Công ty cao su quản lý, sử dụng hiệu quả Phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt (tại các Quyết định: số 363/QĐ-UBND, 364/QĐ-UBND ngày24/01/2017), cụ thể:

- Chỉ đạo, hướng dẫn 02 Công ty quản lý, sử dụng có hiệu quả diện tích 20.230 ha/26.093 ha (Cao su Hương Khê 12.348 ha và Cao su Hà Tĩnh 7.882 ha), gồm: cao su 7.946 ha; rừng tự nhiên sản xuất và rừng phòng hộ 4.474 ha (diện tích này không thể giao cho các hộ dân); đất cực đoan xen kẻ không có khả trồng rừng 2.582 ha; đất cơ sở hạ tầng, dịch vụ 253 ha; diện tích còn lại 4.975 ha, hiện các Công ty đã thuê, trồng rừng (diện tích này Tập đoàn cao su Việt Nam đã đưa vào kế hoạch trồng cao su sắp tới).

- Tiếp tục chỉ đạo thu hồi 5.863 ha đất rừng (diện tích này UBND tỉnh đã thống nhất thu hồi, gồm: Công ty cao su Hương Khê 3.185 ha, Công ty cao su Hà Tĩnh 2.678 ha), theo nguyên tắc:

+ Trên cơ sở đánh giá lại hiệu quả thực hiện Đề án giao đất, giao rừng của từng địa phương; tiếp tục soát xét những diện tích có điều kiện phù hợp (gần dân, thuận lợi sản xuất, có khả năng đền bù, xử lý tài sản) giao về địa phương để giao cho các hộ dân.

+ Phần diện tích còn lại (có hạ tầng khó khăn, kinh phí đền bù lớn, xa dân), thì kêu gọi các nhà đầu tư có đủ điều kiện thuê đất phát triển sản xuất (nhất là những doanh nghiệp có đầu tư lớn vào chế biến sâu sản phẩm gỗ rừng trồng).

+ Trong thời gian chưa chuyển về địa phương, thì các Công ty phải tiếp tục quản lý, bảo vệ diện tích rừng và đất lâm nghiệp nói trên theo đúng quy định; vận động nhân dân chấp hành pháp luật, không để xảy ra tình trạng xâm canh, lấn chiếm trái phép.

Việc này, UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn Công ty phối hợp với các địa phương thực hiện; đến nay việc đo đạc, cắm mốc ranh giới sử dụng đất của 2 Công ty đã cơ bản hoàn thành; đang thống nhất hoàn chỉnh hồ sơ thu hồi chuyển về chính quyền địa phương để giao cho hộ dân và tổ chức khác thuê đảm bảo theo đúng trình tự quy định.

 **Câu 3. Tình trạng và giải pháp xử lý các hành vi đánh bắt, huỷ diệt nguồn lợi thuỷ sản tại vùng biển ven bờ.**

 ***Trả lời:***

**1. Thực trạng vi phạm đánh bắt hủy diệt nguồn lợi thủy sản**

Toàn tỉnh hiện có trên 6.000 tàu cá đánh bắt hải sản trên biển, trong đó có 373 tàu cá (trên 90CV) hoạt động xa bờ, còn lại là tàu hoạt động khai thác vùng ven bờ, vùng lộng.

Những năm qua, tình trạng đánh bắt hủy diệt nguồn lợi thủy sản bằng các hình thức giã cào, xung điện, chất nổ,… diễn ra phức tạp trên vùng biển ven bờ và cả ở vùng nước ngọt (sông ngòi, ao hồ, kênh mương nội đồng). Đặc biệt từ cuối năm 2017 trở lại đây, trên vùng biển ven bờ các xã Cương Gián, Thạch Bằng, Thạch Kim, Thạch Hải, Cẩm Nhượng,… xảy ra tình trạng tàu cá xa bờ của địa phương và ngoại tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ngãi,…) làm nghề giã cào vào khai thác tại vùng biển ven bờ, các tàu cá nhỏ của địa phương sử dụng xung điện, chất nổ để khai thác thủy sản. Hành vi khai thác hủy diệt này gây nguy hại rất lớn cho nguồn lợi thuỷ sản và làm mất mát, hư hỏng ngư lưới cụ của ngư dân địa phương, gây xung đột, làm mất an toàn và an ninh trên biển, như phản ánh của người dân, Cử tri và đại biểu HĐND tỉnh.

**2. Các giải pháp đã thực hiện để ngăn chặn hành vi khai thác thủy sản hủy diệt**

Hành vi khai thác thủy sản hủy diệt diễn ra ở nhiều vùng biển trên các địa phương trong cả nước. Để ngăn chặn và xử lý việc này, những năm qua Trung ương cũng như tỉnh ta đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, cụ thể như sau:

***2.1. Về công tác chỉ đạo:***

*- Ở cấp Trung ương:*

+ Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo việc cấm sử dụng chất nổ, xung điện trong khai thác thủy sản *(Chỉ thị 01/1998, Chỉ thị 19/2014 của Thủ tướng Chính phủ); Quy định xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trong khai thác thủy sản (Nghị định 103/2013/NĐ-CP, Nghị định 41/2017/NĐ-CP);* tăng cường công tác quản lý và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật tại vùng biển ven bờ *(Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 13/12/2017).*

+ Ban hành các quy định để từng bước hạn chế, tiến tới cấm phát triển đối với tàu làm nghề giã cào *(Luật Thủy sản 2003 đã quy định cấm nghề giã cào hoạt động khai thác tại vùng biển ven bờ; Nghị định 59/2005/NĐ-CP đã quy định cấm phát triển đối với tàu giã cào công suất dưới 90 CV; Văn bản 9443/BNN-TCTS ngày .... của Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo tạm dừng việc đóng mới tàu cá làm nghề lưới kéo và cải hoán tàu từ nghề khác sang làm nghề lưới kéo; không cấp giấy phép khai thác thủy sản đối với các tàu từ các nghề khác chuyển sang làm nghề lưới kéo kể từ ngày 16/11/2015).*

*- Ở tỉnh ta:*UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai các biện pháp nghiêm cấm, xử lý các vi phạm khai thác thủy sản vùng biển ven bờ *(Văn bản số 2538/UBND-NL ngày 18/7/2013, Văn bản số 3343/UBND-NL ngày 05/8/2014, Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 06/02/2018)*. Đặc biệt gần đây trước tình trạng khai thác hủy diệt ở vùng biển ven bờ diễn ra phức tạp, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành:

+ Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 về Quy định quản lý hoạt động khai thác thuỷ sản tại vùng biển ven bờ tỉnh Hà Tĩnh, trong phân cấp, giao trách nhiệm cụ thể cho UBND các huyện, xã ven biển trong việc quản lý tàu cá, quản lý khai thác thủy sản ven bờ.

+ Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 06/7/2018 về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc, các ngư cụ bị cấm để khai thác thủy sản, trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ cho các cấp, các ngành và địa phương trong công tác quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng Kế hoạch triển khai cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc khai thác thủy sản.

***2.2. Các biện pháp đã triển khai và kết quả đạt được***

*- Công tác tuyên truyền:*

+ Hàng năm, đã tổ chức được 10-15 lớp tuyên truyền cho trên 1.000 lượt ngư dân về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; vận động, tổ chức cho ngư dân ký cam kết không đánh bắt thủy sản bất hợp pháp, không sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc hại trong khai thác thuỷ sản.

+ Sở Nông nghiệp và PTNT đã ký kết và triển khai Quy chế phối hợp với Bộ đội Biên phòng tỉnh, với Cảnh sát đường thuỷ để phối hợp triển khai các giải pháp tuyên truyền, tuần tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm.

*- Công tác tuần tra, kiểm tra:*

+ UBND tỉnh đã chỉ đạo các lực lượng chức năng (như: Bộ đội Biên phòng tỉnh, Cảnh sát đường thuỷ, Thanh tra chuyên ngành thuỷ sản) thực hiện tuần tra, kiểm tra các phương tiện hoạt động khai thác thuỷ sản trên biển; hàng năm tổ chức 15-20 cuộc thanh tra trên biển (mỗi chuyến từ 5-7 ngày), kết quả từ năm 2013 đến nay, đã kiểm tra trên 600 lượt tàu cá, xử lý 40 trường hợp tàu giã cào vi phạm, phát hiện 35 tàu cá sử dụng xung điện, tịch thu 38 bộ kích điện, xử phạt và nộp ngân sách nhà nước trên 500 triệu đồng.

+ Đặc biệt, từ đầu năm 2018 đến nay trước tình trạng tàu khai thác vi phạm xẩy ra tại các vùng biển xã Cương Gián, Thạch Bằng, Thạch Kim, Thạch Hải, Cẩm Nhượng,… UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường quyết liệt công tác kiểm tra, xử lý *(riêng 6 tháng đầu năm 2018 đã kiểm tra 70 tàu cá, phát hiện và xử lý 24 trường hợp vi phạm trong đó: Xử phạt 13 tàu giã cào vi phạm, 09 tàu cá sử dụng xung điện, tịch thu 17 bộ kích điện, 02 trường hợp sử dụng thuốc nổ, tịch thu giữ 05 kg thuốc nổ)*; Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo lực lượng thanh tra chuyên ngành thủy sản thường xuyên kiểm tra, giám sát tại các cảng cá, bến cá; Bộ đội Biên phòng đã điều các tàu có công suất lớn túc trực tại các vùng cửa biển để kịp thời xử lý các hành vi vi phạm; thường xuyên tuyên truyền, đưa tin phản ánh các hành vi vi phạm trên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và hệ thống truyền thanh ở các xã vùng biển để tuyên truyền, nâng cao ý thức cho ngư dân, góp phần giảm thiểu tình trạng khai thác hủy diệt, nên những tháng gần đây tình trạng tàu giã cào vào khai thác ven bờ đã giảm hẳn.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập bộ phận thanh tra, kiểm soát nghề cá (Văn phòng đại diện) tại các cảng cá; chỉ đạo các địa phương thành lập 15 Tổ đồng quản lý khai thác thủy sản ven bờ để phối hợp tuần tra, giám sát hoạt động thuỷ sản.

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản 9443/BNN-TCTS ngày 18/11/2015, từ cuối năm 2015 đến nay toàn tỉnh không thực hiện việc chấp thuận đóng mới tàu cá làm nghề lưới kéo và cải hoán tàu từ nghề khác sang làm nghề lưới kéo; không cấp giấy phép khai thác thủy sản đối với các tàu từ các nghề khác chuyển sang làm nghề lưới kéo.

- Thành lập “Đường dây nóng bảo vệ khai thác và nguồn lợi thuỷ sản Hà Tĩnh” nhằm hỗ trợ người dân trong việc tố giác các hành vi vi phạm pháp luật trong khai thác thủy sản *(với 02 đầu số 02393.681085, 0912. 255272)*, hàng năm đã tiếp nhận và xử lý hàng trăm phản ánh của người dân.

**3. Tồn tại, nguyên nhân**

Mặc dù thời gian qua, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT và các ngành chức năng, chính quyền địa phương đã tập trung chỉ đạo, triển khai quyết liệt các giải pháp tuyên truyền, tuần tra, kiểm tra, xử lý vi phạm. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm các quy định trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở một số vùng biển trên địa bàn tỉnh vẫn còn diễn ra, do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

*a) Về khách quan:*

- Các đối tượng vi phạm có nhiều thủ đoạn ngày càng tinh vi, với hình thức thay đổi liên tục, khó phát hiện để tránh sự kiểm tra, kiểm soát, xử lý của các cơ quan chức năng, như: Khai thác trái phép vào ban đêm; cất dấu dụng cụ kích điện, chất nổ ở các lẻn đá, đảo đá gần bờ, dưới đáy tàu cá; khi phát hiện tàu tuần tra, kiểm soát của lực lượng chức năng từ xa các đối tượng vứt bỏ các dụng cụ trái phép xuống biển, thông báo cho các đối tượng khác trốn tránh, bỏ chạy; khi có kiểm tra các đầu nậu trên bờ báo cho các tàu vi phạm trên biển biết để trốn tránh,... gây khó khăn cho lực lượng tuần tra trong phát hiện, xử lý.

- Việc tuần tra, kiểm tra trên biển hết sức khó khăn, do vùng biển rộng (diện tích kiểm soát hơn 18.000km2), lưu lượng tàu khai thác lớn (lúc cao điểm có khi lên đến 3.000 tàu).

- Lực lượng quản lý kiểm soát trên biển rất mỏng, phương tiện, công cụ hỗ trợ hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ *(Lực lượng Kiểm ngư được trang bị 01 tàu tuần tra công suất 510 CV, 01 ca nô 60 CV từ năm 1997, Bộ đội biên phòng có 3 tàu tuần tra, Phòng cảnh sát đường thủy có 1 tàu 400 CV (trong khi tàu cá của ngư dân có những chiếc có công suất từ 800CV-1.000CV); cán bộ phục vụ công tác thanh tra chuyên ngành thủy sản có 6 người, kinh phí hoạt động (bao gồm tiền xăng, dầu, bảo hiểm tàu, sửa chữa, bảo dưỡng tàu và ca nô chỉ được bố trí 200-250 triệu đồng), nên chỉ đủ để hoạt động từ 40-45 ngày trên biển)*.

*b) Về chủ quan:*

- Tuy đã được tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về cấm sử dụng xung điện, chất nổ, chất độc để khai thác thuỷ sản, nhưng còn một số ngư dân vì lợi ích trước mắt bất chấp hậu quả vẫn cố tình vi phạm; đặc biệt là các tàu giã cào, mặc dù quy định chỉ được khai thác ở vùng biển xa bờ, nhưng vẫn vào khai thác vùng ven bờ.

- Việc tuần tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các lực lượng chức năng (Biên phòng, Kiểm ngư, Công an) chưa được thường xuyên, liên tục.

- Chính quyền địa phương cấp huyện, xã, cộng đồng thôn, xóm chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong việc tuyên truyền, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm tại địa bàn quản lý, có nơi còn buông lỏng, nhất là để tình trạng sử dụng kích điện để khai thác thủy sản tại các sông ngòi, ao hồ, kênh mương nội đồng khá phổ biến, không được xử lý nghiêm.

- Năng lực đội ngũ quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản của các địa phương còn thiếu (hiện Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện ven biển chưa có kỹ sư chuyên ngành khai thác thủy sản); công tác quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản chưa được các địa phương quan tâm, chỉ đạo đúng mức.

**4. Giải pháp trong thời gian tới**

- Tập trung tuyên truyền sâu rộng nội dung Luật Thuỷ sản, Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017, Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh và các văn bản có liên quan đến mọi tầng lớp cán bộ và người dân, các tổ chức đoàn thể, xã hội nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, ý thức chấp hành pháp luật thuỷ sản của người dân.

Đặc biệt là tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện các quy định mới của Luật Thủy sản (*có hiệu lực từ ngày 01/01/2019)*, như: Thành lập lực lượng Kiểm Ngư địa phương để tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trên biển; quy định tịch thu ngư cụ, phương tiện vi phạm, tịch thu giấy phép, tăng 10 lần mức xử phạt vi phạm hành chính so với mức tối đa trước đây,... đối với các hành vi khai thác thủy sản hủy diệt (mức phạt cao nhất lên tới 1 tỷ đồng đối với cá nhân vi phạm).

- Triển khai xây dựng lực lượng kiểm ngư tỉnh (theo Luật thủy sản) đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, phát huy hiệu quả trong công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm khai thác thủy sản.

- Triển khai thực thực hiện tốt Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp; có chính sách hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, hỗ trợ chuyển các đổi nghề gây nguy hại nguồn lợi sang các nghề khác; xây dựng quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản *(Chỉ thị 11/CT-UBND, Quyết định 51/2017/QĐ-UBND, Kế hoạch 40/KH-UBND)*, trong đó tập trung chỉ đạo các ngành, địa phương, đơn vị thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ sau:

+ Thành lập Ban Chỉ đạo cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc khai thác thủy sản cấp tỉnh và chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện.

+ Sở Nông nghiệp và PTNT: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan (nhất là với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh) tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm soát các hoạt động khai thác thuỷ sản trên sông, trên biển và tại các cảng cá, bến cá, việc thực hiện quy định về đăng ký, đăng kiểm tàu cá, sử dụng giấy phép khai thác thủy sản; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định.

+ Các lực lượng chủ lực như Biên phòng, Công an, Quản lý thị trường phải chỉ đạo quyết liệt các đơn vị chức năng và hệ thống ngành dọc trực thuộc (cấp huyện, xã...), quán triệt đến toàn thể cán bộ, chiến sỹ thực hiện nhiệm vụ này luôn nêu cao trách nhiệm, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác, đánh bắt thuỷ sản trên địa bàn; chủ động thực hiện và phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc, ngư cụ cấm để khai thác thuỷ sản.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chỉ đạo các lực lượng chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm khai thác thủy sản; phải chấm dứt ngay tình trạng tàu giã cào vào khai thác tại vùng biển ven bờ, các tàu cá nhỏ của địa phương sử dụng xung điện, chất nổ để khai thác thủy sản. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để tình trạng vi phạm xẩy ra trên địa bàn quản lý.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã: Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn; thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân chấp hành nghiêm các quy định, tổ chức ký cam kết không sử dụng chất nổ, xung điện để khai thác thủy sản vùng biển ven bờ, sông ngòi, hồ đập, kênh mương nội đồng. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện nếu để tình trạng vi phạm xẩy ra trên địa bàn quản lý.

+ Các Tổ đồng quản lý: Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về khai thác thủy sản; tích cực phối hợp, hỗ trợ lực lượng chức năng, chính quyền địa phương trong quản lý, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm.

+ Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản: Tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác thủy sản, nếu vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm theo theo quy định.

Trên đây là nội dung trả lời câu hỏi chất vấn của Đại biểu tại Kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh khoá XVII, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân, các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;- Giám đốc, các Phó GĐ Sở; - Lưu: VT, KHTC. | **GIÁM ĐỐC** **Nguyễn Văn Việt**  |